

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 128/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGHỊ ĐỊNH**Về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,**Chính phủ ban hành Nghị định bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), doanh nghiệp 100% vốn của công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty, nhóm công ty (sau đây gọi tắt là công ty thành viên) có công ty mẹ hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; bán đơn vị hạch toán phụ thuộc của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty thành viên.

Điều 2. Đối tượng và điều kiện áp dụng

1. Bán công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty thành viên (sau đây gọi tắt là bán doanh nghiệp) không phụ thuộc vào quy mô vốn nhà nước trong các trường hợp sau:

a) Thuộc diện bán doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

b) Thuộc diện cổ phần hóa trong Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước nhưng không thực hiện cổ phần hóa được.

2. Bán các đơn vị hạch toán phụ thuộc của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty thành viên thuộc diện bán bộ phận doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước nhưng không ảnh hưởng đến hoạt động và khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bộ phận doanh nghiệp còn lại.

3. Giao công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty thành viên cho tập thể người lao động (sau đây gọi tắt là giao doanh nghiệp) khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Giá trị tổng tài sản ghi trên sổ kế toán dưới 15 tỷ đồng;

b) Không có lợi thế về đất đai;

c) Thuộc diện giao doanh nghiệp trong Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Chuyển giao công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty thành viên (sau đây gọi tắt là chuyển giao doanh nghiệp) phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp hoạt động trong những ngành, lĩnh vực kinh doanh chính hoặc có liên quan chặt chẽ tới ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty, nhóm công ty tiếp nhận chuyển giao;

b) Không thuộc diện giải thể hoặc mất khả năng thanh toán;

c) Thuộc diện chuyển giao doanh nghiệp trong Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc được Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở thỏa thuận và đề nghị của bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Bán doanh nghiệp” là việc chuyển đổi sở hữu toàn bộ một doanh nghiệp hoặc đơn vị hạch toán phụ thuộc cho tập thể, cá nhân hoặc pháp nhân khác có thu tiền.

2. “Giao doanh nghiệp” là việc chuyển quyền sở hữu không thu tiền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty thành viên cho tập thể người lao động trong doanh nghiệp có phân định rõ sở hữu của từng người.

3. “Chuyển giao doanh nghiệp” là việc chuyển quyền đại diện chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty thành viên giữa bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao.

4. “Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước” là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là Bộ),

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) là đại diện chủ sở hữu.

5. “Công ty mẹ” là công ty mẹ hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty và nhóm công ty.

6. “Người mua doanh nghiệp hoặc bộ phận doanh nghiệp” là tập thể người lao động trong doanh nghiệp, pháp nhân, nhóm người hoặc cá nhân mua doanh nghiệp hoặc bộ phận doanh nghiệp.

7. “Người nhận giao doanh nghiệp” là tập thể người lao động trong doanh nghiệp nhận giao doanh nghiệp.

8. “Người giao, người bán doanh nghiệp hoặc bộ phận doanh nghiệp” là cơ quan, tổ chức đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp.

9. “Bên chuyển giao doanh nghiệp” là công ty mẹ hoặc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao làm đại diện chủ sở hữu nhà nước.

10. “Bên nhận chuyển giao doanh nghiệp” là công ty mẹ hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty và nhóm công ty hoặc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong những trường hợp chuyển giao doanh nghiệp giữa các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chuyển giao doanh nghiệp từ tập đoàn kinh tế, tổng công ty, nhóm công ty sang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và được Thủ tướng Chính phủ quyết định).

11. “Chuyển giao doanh nghiệp có thanh toán” là phương thức hoàn trả bằng tiền tương ứng với giá trị doanh nghiệp chuyển giao của bên nhận chuyển giao cho bên chuyển giao.

12. “Chuyển giao doanh nghiệp không thanh toán” là phương thức không phải hoàn trả tiền cho bên chuyển giao doanh nghiệp.

13. “Bán theo phương thức trực tiếp” là phương thức đàm phán, thỏa thuận và ký hợp đồng trực tiếp giữa người bán doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp với người mua doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp trong trường hợp chỉ có một tổ chức hoặc tập thể người lao động trong doanh nghiệp hoặc một nhóm người hoặc một cá nhân đăng ký mua (sau đây gọi tắt là người đăng ký mua).

14. “Bán theo phương thức đấu giá” là phương thức lựa chọn người mua doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp khi có từ hai người đăng ký mua trở lên thông qua trả giá cạnh tranh công khai tại phiên đấu giá.

15. “Tập thể người lao động trong doanh nghiệp” là tập hợp có tổ chức của những người lao động có trong danh sách làm việc thường xuyên của doanh nghiệp tự nguyện thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động doanh nghiệp về nhận giao,

mua doanh nghiệp, đơn vị hạch toán phụ thuộc tại thời điểm có hiệu lực của quyết định phê duyệt phương án sắp xếp lao động.

16. “Ban Đổi mới tại doanh nghiệp” là tổ chức được thành lập tại doanh nghiệp thực hiện bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp do Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, công ty mẹ quyết định thành lập.

17. “Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp” là tổ chức thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 99/2012/NĐ-CP) thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Nghị định này khi bán doanh nghiệp, đơn vị hạch toán phụ thuộc hoặc giao, chuyển giao doanh nghiệp.

18. “Ban Chỉ đạo nhận doanh nghiệp” là tổ chức do công ty mẹ hoặc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong những trường hợp chuyển giao doanh nghiệp giữa các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chuyển giao doanh nghiệp từ tập đoàn kinh tế, tổng công ty, nhóm công ty sang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và được Thủ tướng Chính phủ quyết định) quyết định thành lập khi nhận chuyển giao doanh nghiệp.

19. “Doanh nghiệp không cổ phần hóa được” là doanh nghiệp mà theo Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt thuộc danh mục cổ phần hóa, sau khi đã áp dụng tất cả biện pháp theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa nhưng vẫn không cổ phần hóa được hoặc không đáp ứng đủ điều kiện để cổ phần hóa.

20. “Doanh nghiệp không có lợi thế về đất đai” là doanh nghiệp:

a) Có quyền sử dụng đất đối với diện tích dưới 200 m²;

b) Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc giá thuê đất trên thị trường trong điều kiện bình thường không vượt quá 20% so với giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định và công bố tại thời điểm gần nhất. Trường hợp không xác định được giá thì sử dụng giá chuyển nhượng hoặc giá thuê đất của khu đất có vị trí, điều kiện và mục đích sử dụng tương tự để xác định.

Điều 4. Đối tượng được mua, nhận giao, nhận chuyển giao doanh nghiệp

1. Đối tượng có quyền mua doanh nghiệp, bao gồm:

a) Tập thể người lao động trong doanh nghiệp;

b) Cá nhân người lao động trong doanh nghiệp;

c) Các doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, trừ tổ chức tài chính thực hiện tư vấn định giá, đấu giá bán doanh nghiệp và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

d) Công dân Việt Nam có đủ năng lực hành vi dân sự, trừ những người không được thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 2 và Điểm b Khoản 4 Điều 13 Luật Doanh nghiệp, thành viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, các cá nhân thuộc tổ chức tài chính thực hiện tư vấn định giá, đấu giá bán doanh nghiệp;

đ) Tổ chức kinh tế tài chính được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoạt động kinh doanh tại nước ngoài hoặc tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài, trừ tổ chức kinh tế tài chính và cá nhân thuộc tổ chức kinh tế tài chính thực hiện tư vấn định giá, đấu giá bán doanh nghiệp;

e) Nhóm các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên kết với nhau để cùng mua doanh nghiệp.

2. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điểm c và các đối tượng quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này theo quy định pháp luật được xác định là nhà đầu tư nước ngoài được tham gia cùng với các doanh nghiệp, công dân Việt Nam khác mua một phần của doanh nghiệp theo quy định sau:

a) Đối với doanh nghiệp được bán thuộc ngành nghề, lĩnh vực mà Việt Nam có cam kết quốc tế về quyền được góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài được mua doanh nghiệp theo tỷ lệ không vượt quá mức cam kết quốc tế của Việt Nam;

b) Đối với các doanh nghiệp được bán thuộc các ngành nghề, lĩnh vực ngoài phạm vi cam kết quốc tế của Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài được mua doanh nghiệp theo tỷ lệ quy định của pháp luật về hạn chế tỷ lệ của nhà đầu tư nước ngoài tham gia ngành nghề, lĩnh vực đó;

c) Đối với doanh nghiệp được bán hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực; bao gồm một số ngành nghề, lĩnh vực có quy định khác nhau về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài thì nhà đầu tư nước ngoài được tham gia mua doanh nghiệp không quá mức của ngành nghề, lĩnh vực có quy định tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài ở mức thấp nhất;

d) Ngoài các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, nhà đầu tư nước ngoài được mua doanh nghiệp Việt Nam với tỷ lệ không hạn chế.

3. Đối tượng được nhận giao doanh nghiệp là tập thể người lao động trong doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 21 Nghị định này.

4. Đối tượng được nhận chuyển giao doanh nghiệp là công ty mẹ có ngành nghề kinh doanh chính hoặc phụ trợ cho ngành nghề kinh doanh chính do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại Điều lệ công ty phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp được chuyển giao.

Trường hợp đặc biệt cần chuyển giao doanh nghiệp giữa các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chuyên giao doanh nghiệp từ tập đoàn kinh tế, tổng công ty, nhóm công ty sang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì bên chuyên giao và bên nhận chuyển giao phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 5. Nguyên tắc bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp

1. Người mua, người nhận giao doanh nghiệp không được bán lại doanh nghiệp trong thời gian quy định của hợp đồng.

2. Tài sản của doanh nghiệp khi thực hiện bán, giao, chuyển giao được tính bằng giá trị. Giá trị của doanh nghiệp thực hiện bán được tính theo giá thực tế trên thị trường. Giá trị của doanh nghiệp thực hiện giao được tính theo giá trị trên sổ kế toán đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập.

3. Thứ tự ưu tiên trong lựa chọn phương thức bán doanh nghiệp:

- a) Bán đấu giá có kế thừa công nợ;
- b) Bán đấu giá không kế thừa công nợ;
- c) Bán thỏa thuận trực tiếp có kế thừa công nợ;
- d) Bán thỏa thuận trực tiếp không kế thừa công nợ;

Ưu tiên bán cho tập thể người lao động trong doanh nghiệp nếu tập thể người lao động trong doanh nghiệp trả giá bằng người mua khác trong lần đấu giá cuối cùng.

4. Nguyên tắc chuyển giao doanh nghiệp:

a) Chuyển giao không thanh toán áp dụng trong trường hợp chuyển giao doanh nghiệp từ Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang tập đoàn kinh tế, tổng công ty, nhóm công ty; chuyển giao doanh nghiệp giữa các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc chuyển giao doanh nghiệp từ Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

b) Chuyển giao có thanh toán áp dụng trong trường hợp chuyển giao doanh nghiệp giữa các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, nhóm công ty;

c) Có sự thỏa thuận giữa bên chuyển giao với bên nhận chuyển giao và phù hợp với các quy định của pháp luật về cạnh tranh;

d) Trường hợp chuyển giao doanh nghiệp theo các nguyên tắc sau do Thủ tướng Chính phủ quyết định:

- Chuyển giao nguyên trạng doanh nghiệp trên cơ sở ghi nhận sự tăng, giảm vốn chủ sở hữu theo giá trị sổ sách của doanh nghiệp chuyển giao;

- Chuyển giao nguyên trạng doanh nghiệp theo nguyên tắc không thanh toán và chỉ thực hiện kiểm kê, đánh giá thực trạng tài sản, tài chính, công nợ của doanh nghiệp, xác định lại giá trị doanh nghiệp.

5. Thực hiện việc công bố công khai theo quy định tại các Điều 13, 15, 23 và 29 Nghị định này.

6. Phương tiện thanh toán khi mua doanh nghiệp là tiền đồng Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu mua doanh nghiệp phải mở tài khoản thanh toán tại một ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, thực hiện thanh toán trong việc mua doanh nghiệp thông qua tài khoản này và tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, ngoại hối và các quy định có liên quan.

7. Các khoản chi phí thực tế, hợp lý và cần thiết cho việc bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp được xử lý theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 6. Bảo đảm của Nhà nước

Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của người mua, người nhận giao, bên nhận chuyển giao doanh nghiệp; quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương II BÁN DOANH NGHIỆP

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của người mua doanh nghiệp

1. Người đăng ký mua:

a) Có quyền khảo sát thực trạng doanh nghiệp; nghiên cứu hồ sơ, báo cáo tài chính, bảng kê tài sản, các Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, đất đai, các hợp đồng liên quan đến doanh nghiệp;

b) Có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin thu được từ việc khảo sát thực trạng và các tài liệu của doanh nghiệp; không được tiết lộ hoặc sử dụng thông tin trên gây phương hại cho doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp. Trường hợp người đăng ký mua tiết lộ và sử dụng thông tin gây phương hại cho doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Người đã mua doanh nghiệp:

a) Được quyền lựa chọn hình thức pháp lý của doanh nghiệp sau khi mua; được tiếp tục thuê đất hoặc nhận giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Được kế thừa các quyền, lợi ích hợp pháp, nghĩa vụ của doanh nghiệp đã ghi trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp và các hợp đồng đã ký kết;

c) Thanh toán tiền mua doanh nghiệp theo hợp đồng đã ký;

d) Không được bán, chuyển giao doanh nghiệp khi chưa hoàn thành việc thanh toán tiền mua doanh nghiệp và các cam kết khác (nếu có) tại Hợp đồng mua bán doanh nghiệp.

Điều 8. Trình tự bán doanh nghiệp

1. Chuẩn bị bán doanh nghiệp, gồm: Thông báo về việc bán doanh nghiệp; chuẩn bị các hồ sơ, giấy tờ pháp lý của doanh nghiệp.

2. Xây dựng, phê duyệt phương án bán doanh nghiệp, gồm: Kiểm kê, đối chiếu, phân loại tài sản và nợ; lập báo cáo tài chính và phương án xử lý tài sản, tài chính và nợ; báo cáo quyết toán thuế tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp; phương án sắp xếp lao động; xác định giá trị doanh nghiệp; phương án bán, xác định giá bán tối thiểu và phương thức bán, dự kiến chi phí tổ chức thực hiện bán doanh nghiệp; phê duyệt phương án bán, xử lý tài sản, tài chính, công nợ, lao động.

Trường hợp dự kiến số thu từ việc bán doanh nghiệp không đủ bù đắp chi phí thực hiện bán doanh nghiệp (trường hợp người mua kế thừa nợ) hoặc không đủ chi phí và trả các khoản nợ (trường hợp người mua không kế thừa nợ) thì phải chuyển sang hình thức giải thể, phá sản.

3. Xử lý tài sản, tài chính, công nợ, lao động.

4. Tổ chức bán doanh nghiệp.

5. Phê duyệt kết quả bán; lập báo cáo tài chính doanh nghiệp tại thời điểm bàn giao cho người mua; ký kết hợp đồng; thanh toán; bàn giao tài sản, sổ sách và các hồ sơ liên quan cho người mua; thông báo về việc hoàn thành bán doanh nghiệp.

6. Đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp sau khi bán.

Điều 9. Thông báo về việc bán doanh nghiệp

Căn cứ vào Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp thông báo cho doanh nghiệp về việc bán doanh nghiệp và thực hiện công bố công khai trên 01 (một) tờ báo viết trong 03 (ba) số liên tiếp và trên trang thông tin điện tử doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (www.business.gov.vn), trang thông tin điện tử của Bộ (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc Bộ), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty, nhóm công ty (đối với công ty thành viên) trong suốt thời gian thực hiện bán doanh nghiệp.

Điều 10. Xử lý tài sản và tài chính khi bán doanh nghiệp

1. Việc xử lý tài sản, số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, chi phí xây dựng dở dang, các khoản dự phòng, lỗ hoặc lãi thực hiện theo quy định về xử lý tài chính của Chính phủ tại Nghị định về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

2. Chênh lệch tài sản kiểm kê:

a) Đối với tài sản thừa nếu không xác định được nguyên nhân hoặc không tìm được chủ sở hữu thì doanh nghiệp được ghi tăng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tương ứng với giá trị thực tế của tài sản thừa;

b) Đối với tài sản thiếu, doanh nghiệp phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật. Khoản chênh lệch giữa giá trị bồi thường của cá nhân, tập thể liên quan, tổ chức bảo hiểm (nếu có) với giá trị thiếu thì hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Điều 11. Xử lý các khoản nợ và xác định giá trị doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp được bán hoặc có bộ phận được bán có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận, thu hồi các khoản nợ phải thu đến hạn trước khi bán; huy động các nguồn để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả hoặc thỏa thuận với các chủ nợ để xử lý trước khi bán.

2. Đối với các khoản nợ phải thu còn lại và nợ phải trả thì tùy theo điều kiện mua bán có kế thừa nợ hoặc không kế thừa nợ để xử lý theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp người mua cam kết kế thừa nợ và được các chủ nợ đồng ý chuyển giao nợ cho bên mua, người mua có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ phải trả và thu hồi các khoản nợ phải thu theo cam kết; việc cam kết kế thừa các khoản nợ phải thu, phải trả phải được ghi trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp và thông báo bằng văn bản đến chủ nợ, người mắc nợ doanh nghiệp và các bên liên quan;

b) Trường hợp người mua không cam kết kế thừa nợ hoặc các chủ nợ không đồng ý chuyển giao nợ cho bên mua, doanh nghiệp được bán có trách nhiệm xử lý các khoản nợ này theo quy định hiện hành của Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng. Trường hợp các khoản nợ chưa được xử lý hết theo quy định hiện hành của Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng thì được xử lý theo quy định về xử lý các khoản nợ theo quy định về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi xác định giá trị doanh nghiệp.

3. Đối với các khoản đã trả trước cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ như: Tiền thuê nhà, tiền thuê đất, tiền mua hàng, tiền công thì phải đối chiếu với hợp đồng và khối lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp để tính vào giá trị doanh nghiệp.

4. Việc xác định và điều chỉnh giá trị doanh nghiệp được áp dụng theo những nguyên tắc quy định về xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại Nghị định về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp có trách nhiệm thẩm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về xác định giá trị doanh nghiệp, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định giá trị doanh nghiệp. Trường hợp kết quả xác định giá trị doanh nghiệp không bảo đảm đúng quy định của Nhà nước thì cơ quan có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp có thể từ chối không thanh toán phí dịch vụ tư vấn định giá; nếu gây thiệt hại cho Nhà nước và doanh nghiệp thì tổ chức tư vấn định giá phải bồi thường.

5. Đối với doanh nghiệp không cổ phần hóa được phải chuyển sang phương thức bán, thì được kế thừa kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong quá trình cổ phần hóa. Bộ Tài chính hướng dẫn về thời hạn được kế thừa kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và việc điều chỉnh kết quả xác định giá trị doanh nghiệp khi thị trường có sự thay đổi về giá các tài sản có liên quan.

Điều 12. Xác định giá bán doanh nghiệp

1. Giá khởi điểm bán doanh nghiệp được xác định theo nguyên tắc sau:

a) Không thấp hơn tổng giá trị phần vốn nhà nước đã được xác định theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị định này và giá trị quyền sử dụng đất (nếu có) theo giá công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu người mua kế thừa các khoản nợ;

b) Không thấp hơn tổng giá trị doanh nghiệp đã được xác định theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị định này nếu người mua không kế thừa các khoản nợ.

2. Giá bán doanh nghiệp:

Căn cứ vào phương thức bán (bán đấu giá hoặc bán trực tiếp), phương thức thanh toán (một lần hoặc nhiều lần), mức giá đặt mua, số lao động mà người mua tiếp tục sử dụng để quyết định giá bán nhưng không thấp hơn giá khởi điểm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 13. Tổ chức bán doanh nghiệp theo phương thức đấu giá

1. Trường hợp bán doanh nghiệp mà có từ hai người đăng ký mua trở lên thì phải bán theo một trong hai phương thức đấu giá sau:

a) Đấu giá kế thừa toàn bộ số lao động còn lại, áp dụng trong trường hợp đã giải quyết một phần số lao động theo quy định của pháp luật về lao động và chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

b) Đấu giá không kế thừa lao động, áp dụng trong trường hợp đã giải quyết hết số lao động hoặc đã phê duyệt phương án giải quyết hết số lao động theo quy định của pháp luật về lao động và chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp có các quyền hạn và nhiệm vụ sau trong chỉ đạo và giám sát việc đấu giá:

a) Xây dựng quy chế bán đấu giá trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp phê duyệt;

b) Lựa chọn và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp quyết định việc ký hợp đồng thuê tổ chức tư vấn định giá, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp. Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp bao gồm cả Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản và doanh nghiệp bán đấu giá tài sản theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 17/2010/NĐ-CP);

c) Trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp quyết định phương thức đấu giá và công bố giá khởi điểm;

d) Giám sát việc đấu giá.

3. Xác định giá trị doanh nghiệp:

a) Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày có quyết định bán doanh nghiệp, Ban Đổi mới tại doanh nghiệp phải hoàn thành các công việc quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 18 Nghị định này và gửi kết quả cho Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;

b) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được kết quả theo quy định tại Điểm a Khoản này, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp phải thực hiện việc tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp theo nguyên tắc quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị định này;

c) Căn cứ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp trình cơ quan có thẩm quyền công bố giá khởi điểm.

4. Ký kết hợp đồng bán đấu giá doanh nghiệp

Cơ quan có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp tiến hành ký kết hợp đồng bán đấu giá doanh nghiệp với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp được lựa chọn. Nội dung chính của hợp đồng bán đấu giá doanh nghiệp, trách nhiệm của các bên hợp đồng, chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp công bố giá khởi điểm, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp phải thông báo công khai tại doanh nghiệp và trên một tờ báo viết trong 03 (ba) số liên tiếp và Trang thông tin điện tử doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (www.business.gov.vn) chậm nhất là 45 (bốn mươi lăm) ngày trước ngày thực hiện bán đấu giá về các thông tin sau đây:

- a) Tên, địa chỉ và ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp được bán đấu giá;
- b) Các thông tin cơ bản về tài sản, lao động, tài chính, đất đai, bao gồm cả thời hạn thuê đất còn lại (nếu doanh nghiệp đang thuê đất);
- c) Giá khởi điểm;
- d) Mức tiền đặt trước;
- đ) Các điều kiện bán;
- e) Thời gian và địa điểm nhận hồ sơ mời đấu giá;
- g) Thời gian và địa điểm nộp đơn đăng ký mua doanh nghiệp, tiền đặt trước;
- h) Thời gian và địa điểm tổ chức phiên bán đấu giá. Địa điểm tổ chức phiên bán đấu giá có thể được tổ chức tại trụ sở của tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, tại doanh nghiệp hoặc tại địa điểm khác theo thỏa thuận của tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp và cơ quan có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp.

6. Hồ sơ mời đấu giá gồm: Các thông tin quy định tại Khoản 5 Điều này, mẫu đơn đăng ký mua doanh nghiệp, nội quy phiên bán đấu giá.

7. Người mua doanh nghiệp phải nộp đơn đăng ký mua doanh nghiệp và tiền đặt trước cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp theo những quy định sau:

- a) Đơn đăng ký mua doanh nghiệp và tiền đặt trước phải nộp chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày thực hiện bán đấu giá;
- b) Đơn đăng ký mua phải ghi cụ thể giá tối thiểu đặt mua doanh nghiệp, giá tối thiểu đặt mua không được thấp hơn giá khởi điểm;
- c) Mức tiền đặt trước bằng 10% giá khởi điểm;
- d) Khi nộp đơn đăng ký mua doanh nghiệp, người nộp phải xuất trình chứng minh nhân dân (đối với cá nhân là người Việt Nam), hộ chiếu (đối với cá nhân là người nước ngoài), giấy ủy quyền (đối với tổ chức) và ký cam kết thực hiện nội quy bán đấu giá;

Khi nhận đơn đăng ký và tiền đặt trước, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp cấp cho người nộp hồ sơ giấy chứng nhận đã nộp đơn đăng ký mua và biên lai thu tiền đặt trước. Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp có trách nhiệm giữ bí mật giá đặt mua của người đăng ký mua doanh nghiệp.

đ) Trong thời hạn nhận đơn đăng ký mua doanh nghiệp, người đã đăng ký có thể rút lại đơn đăng ký mua và được hoàn trả ngay khoản tiền đặt trước.

8. Cuộc bán đấu giá được thực hiện khi có ít nhất hai người nộp đơn đăng ký mua doanh nghiệp hợp lệ và đã nộp tiền đặt trước.

Trường hợp chỉ có một đơn đăng ký mua doanh nghiệp hợp lệ được chấp thuận, người bán áp dụng phương thức trực tiếp theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

Trường hợp không có đơn đăng ký mua doanh nghiệp hợp lệ, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp báo cáo Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp để giảm mức giá khởi điểm nhưng không thấp hơn mức giá quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định này hoặc áp dụng các hình thức chuyển đổi khác.

9. Cuộc bán đấu giá được thực hiện như sau:

a) Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp quyết định cử đấu giá viên điều hành phiên đấu giá và mời một công chứng viên tham gia chứng kiến phiên đấu giá.

Việc điều hành trả giá và các quy tắc ứng xử trong phiên bán đấu giá được thực hiện theo nội quy phiên bán đấu giá;

b) Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp quyết định lựa chọn một trong hai hình thức đấu giá là đấu giá trực tiếp bằng lời nói hoặc đấu giá bằng bỏ phiếu để tiến hành bán đấu giá doanh nghiệp;

c) Trình tự tiến hành cuộc bán đấu giá theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP;

d) Diễn biến của cuộc bán đấu giá doanh nghiệp phải được ghi vào biên bản bán đấu giá doanh nghiệp. Biên bản bán đấu giá doanh nghiệp phải có chữ ký của đấu giá viên điều hành cuộc bán đấu giá doanh nghiệp, người ghi biên bản, người trúng đấu giá doanh nghiệp và người chứng kiến cuộc bán đấu giá. Biên bản bán đấu giá doanh nghiệp phải được tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp gửi Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp sau khi kết thúc cuộc bán đấu giá;

đ) Kết quả cuộc bán đấu giá doanh nghiệp được ghi vào Sổ đăng ký bán đấu giá doanh nghiệp. Trong trường hợp bán đấu giá doanh nghiệp thành công thì đấu giá viên điều hành cuộc bán đấu giá doanh nghiệp lập hợp đồng mua bán doanh nghiệp bán đấu giá;

e) Trường hợp người trúng đấu giá từ chối (không ký biên bản đấu giá hoặc ký biên bản đấu giá nhưng không ký hợp đồng mua bán doanh nghiệp) thì tổ chức thực hiện đấu giá lựa chọn và thông báo cho người có giá thấp hơn liền kề là người trúng giá bổ sung nếu giá trả của người này không thấp hơn giá khởi điểm của vòng đấu giá cuối cùng. Nếu người trúng giá bổ sung từ chối thì tổ chức thực hiện đấu giá ra văn bản hủy bỏ kết quả đấu giá và báo cáo người bán doanh nghiệp tổ chức đấu giá lại vào một thời điểm khác;

g) Trường hợp phiên bán đấu giá không thành thì tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp phải lập biên bản bán đấu giá không thành. Biên bản này phải có chữ ký của đấu giá viên điều hành phiên bán đấu giá và người làm chứng.

Điều 14. Tổ chức bán doanh nghiệp theo phương thức trực tiếp

1. Trường hợp chỉ có một đơn đăng ký mua doanh nghiệp hợp lệ được chấp thuận, cơ quan có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp áp dụng phương thức bán thỏa thuận trực tiếp.

2. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp cùng Giám đốc doanh nghiệp trao đổi trực tiếp với người mua về giá bán, phương án sử dụng lao động và thỏa thuận về các nội dung trong hợp đồng mua bán. Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (đối với trường hợp mua không kế thừa công nợ) hoặc tổng giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với trường hợp mua kế thừa công nợ) được xác định theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị định này là cơ sở để thỏa thuận với người mua về giá bán doanh nghiệp.

Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp gửi hồ sơ và biên bản đến cơ quan có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp.

Điều 15. Phê duyệt kết quả bán, ký kết hợp đồng, bàn giao, thanh toán, thông báo về việc hoàn thành bán doanh nghiệp

1. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp phải xem xét để phê duyệt kết quả bán doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả bán doanh nghiệp, tổ chức thực hiện đấu giá phải hoàn trả tiền đặt trước cho những người tham gia đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá. Tiền đặt trước của người trúng đấu giá được trừ vào tiền mua doanh nghiệp. Tiền đặt trước không được hoàn trả cho người vi phạm nội quy phiên bán đấu giá, người trúng đấu giá nhưng không thực hiện ký hợp đồng theo quy định. Khoản tiền đặt trước không được hoàn trả phải hạch toán tăng khoản thu do bán doanh nghiệp và được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ khi có quyết định phê duyệt kết quả bán doanh nghiệp, đại diện người bán và người mua phải ký kết hợp đồng mua bán doanh nghiệp. Hợp đồng mua bán doanh nghiệp bao gồm các nội dung chính sau:

- a) Tên, địa chỉ, số tài khoản của doanh nghiệp được bán;
- b) Tên, địa chỉ, số tài khoản (nếu có) của người mua doanh nghiệp;
- c) Giá bán doanh nghiệp;
- d) Các cam kết của người mua và người bán doanh nghiệp;
- đ) Phương thức chuyển giao tài sản, thanh toán tiền mua doanh nghiệp, thời hạn bàn giao doanh nghiệp;
- e) Xử lý các vấn đề phát sinh, tranh chấp hợp đồng.

Kèm theo hợp đồng là bản kê tài sản, công nợ (nếu có) mà người mua và người bán đã thỏa thuận.

4. Người mua doanh nghiệp thanh toán trong thời hạn quy định tại hợp đồng mua bán, nhưng tối đa không quá 01 (một) năm kể từ thời điểm hợp đồng mua bán

doanh nghiệp được ký; trong đó lần đầu phải thực hiện trong thời hạn 01 (một) tháng và thanh toán không dưới 70% giá bán.

Khi người mua đã thanh toán ít nhất 70% giá bán và có đủ tài sản thế chấp hoặc bảo lãnh theo đúng quy định của pháp luật cho phần còn lại, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp phải tổ chức việc bàn giao doanh nghiệp cho người mua. Người bán doanh nghiệp tiếp tục điều hành doanh nghiệp cho đến khi bàn giao xong. Trường hợp gây thất thoát tài sản, người bán có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ký biên bản bàn giao, cơ quan có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp thông báo việc hoàn thành bán doanh nghiệp với các nội dung sau:

- a) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp được bán;
- b) Tên, địa chỉ của người mua;
- c) Giá bán, phương thức bán, thời hạn thanh toán;
- d) Trách nhiệm của người mua, người bán doanh nghiệp và các cơ quan liên quan trong việc xử lý những vấn đề tồn tại và phát sinh khác.

Thông báo việc hoàn thành bán doanh nghiệp được đăng trên phương tiện thông tin đại chúng và gửi đến các cơ quan: Tài chính doanh nghiệp, Thuế, Đăng ký kinh doanh, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp.

Điều 16. Quản lý và sử dụng số tiền bán doanh nghiệp

Số tiền bán doanh nghiệp sau khi nộp vào ngân sách nhà nước phần giá trị quyền sử dụng đất (nếu có), được sử dụng vào các mục đích sau: Thanh toán các chi phí phục vụ cho việc bán doanh nghiệp; thanh toán các khoản nợ mà người mua không kế thừa; thực hiện chính sách đối với người lao động khi bán doanh nghiệp; số tiền còn lại được nộp về:

1. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại công ty mẹ trong trường hợp bán công ty thành viên, bộ phận phụ thuộc của công ty mẹ.
2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong trường hợp bán bộ phận doanh nghiệp của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
3. Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong trường hợp bán công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Điều 17. Nguyên tắc và chính sách đối với người lao động và người giữ chức danh lãnh đạo quản lý

1. Đối với người lao động được tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp mới:

a) Doanh nghiệp được bán có trách nhiệm tính trả trợ cấp thôi việc đối với thời gian người lao động làm việc tại doanh nghiệp từ thời điểm ký hợp đồng mua bán trở về trước;

b) Thực hiện giao kết hợp đồng lao động mới khi chuyển sang làm việc tại doanh nghiệp mới.

2. Người lao động đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Người lao động chấm dứt hợp đồng lao động được hưởng chế độ trợ cấp mất việc làm, thôi việc theo quy định của pháp luật về lao động hoặc chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

4. Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng và người được cử làm đại diện phần vốn của doanh nghiệp được bán tại doanh nghiệp khác làm việc theo chế độ bổ nhiệm được Bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng thành viên công ty mẹ xét từng trường hợp cụ thể để bố trí việc làm. Trường hợp không sắp xếp được việc làm hoặc cho thôi việc theo nguyện vọng thì thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức đối với chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và người được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước.

Điều 18. Trách nhiệm của doanh nghiệp được bán

Khi nhận được thông báo về việc bán doanh nghiệp, Ban Đãi mới tại doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau:

1. Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ, giấy tờ pháp lý, hợp đồng chưa thanh lý, các Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và đất đai của doanh nghiệp.

2. Kiểm kê, xác định số lượng tài sản hiện có tại doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp, đánh giá thực trạng và phân loại tài sản có thể tiếp tục sử dụng, tài sản thanh lý, nhượng bán.

3. Đối chiếu và phân loại công nợ phải thu, phải trả; lập danh sách chủ nợ và số nợ phải trả, số nợ phải thu, trong đó chia ra nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi và kiến nghị biện pháp xử lý.

4. Lập báo cáo tài chính quý gần nhất; lập phương án xử lý tài sản, tài chính, công nợ theo các nguyên tắc quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định này.

5. Xây dựng phương án sắp xếp số lao động hiện có của doanh nghiệp theo các nội dung sau:

- a) Danh sách toàn bộ lao động hiện có của công ty;
- b) Danh sách người lao động chuyển sang làm việc tại doanh nghiệp mới, người lao động đưa đi đào tạo lại để tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp mới;
- c) Danh sách người lao động nghỉ hưu;
- d) Danh sách người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động.

6. Tạo điều kiện cho người đăng ký mua doanh nghiệp khảo sát, tiếp cận tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

7. Xử lý tài sản, tài chính, công nợ, lao động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo hợp đồng mua bán doanh nghiệp.

8. Ký hợp đồng thuê tư vấn định giá và thuê tổ chức thực hiện đấu giá doanh nghiệp.

9. Lập báo cáo tài chính doanh nghiệp tại thời điểm bàn giao cho người mua và xử lý những vấn đề về tài chính phát sinh từ thời điểm định giá doanh nghiệp đến thời điểm bàn giao.

10. Bàn giao tài sản, sổ sách và các hồ sơ liên quan cho người mua doanh nghiệp theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp.

Điều 19. Đăng ký doanh nghiệp

Sau khi nhận bàn giao doanh nghiệp, người mua doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo loại hình tương ứng mà doanh nghiệp sẽ hoạt động hoặc thay đổi đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải kèm theo bản sao hợp lệ hợp đồng mua, bán doanh nghiệp và biên bản bàn giao doanh nghiệp.

Trường hợp người mua doanh nghiệp chuyển doanh nghiệp mua thành bộ phận của doanh nghiệp đã có thì chỉ bổ sung đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 20. Kiểm tra, theo dõi việc thực hiện cam kết hợp đồng

Người quyết định bán doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các cam kết trong hợp đồng mua, bán doanh nghiệp; xử lý hoặc kiến nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với những trường hợp vi phạm cam kết hợp đồng.

Chương III

GIAO DOANH NGHIỆP CHO TẬP THỂ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 21. Điều kiện đối với tập thể người lao động nhận giao doanh nghiệp

Tập thể người lao động trong doanh nghiệp được xem xét giao doanh nghiệp khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Tự nguyện đăng ký nhận giao doanh nghiệp.

2. Cam kết duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, bảo đảm việc làm tối thiểu từ 03 (ba) năm trở lên kể từ ngày nhận giao doanh nghiệp (trừ trường hợp có thỏa thuận khác với từng cá nhân người lao động), đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội cho người lao động tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Kế thừa công nợ và các nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp sau khi đã xử lý theo các quy định của Nghị định này. Kế thừa quyền và nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Không được bán, cho thuê, tự giải thể doanh nghiệp trong thời hạn tối thiểu là 03 (ba) năm sau khi nhận giao, trừ trường hợp doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

Điều 22. Nguyên tắc xử lý tài sản, tài chính, công nợ và lao động khi giao doanh nghiệp

1. Ban Đãi mới tại doanh nghiệp tiến hành kiểm kê, xác định số lượng và thực trạng toàn bộ tài sản; các khoản đầu tư dài hạn, ngắn hạn; tài sản thuê, mượn, giữ hộ, bán hộ, ký gửi, chiếm dụng, cho thuê, cho mượn; đối chiếu và phân loại các loại công nợ; lập danh sách chủ nợ và số nợ phải trả, danh sách người mắc nợ và số nợ phải thu, trong đó phân định rõ nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi; tiến hành phân loại tài sản, xử lý tài sản và các khoản nợ; báo cáo quyết toán thuế tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

2. Nguyên tắc xử lý tài sản:

a) Đối với tài sản mang đi góp vốn liên doanh hoặc nhận góp vốn liên doanh; tài sản thuê ngoài, thuê tài chính; tài sản mượn, giữ hộ và các tài sản khác không phải của doanh nghiệp thì các bên giao doanh nghiệp, nhận giao doanh nghiệp và chủ sở hữu tài sản thỏa thuận việc kế thừa và ký lại hợp đồng mới hoặc thanh lý hợp đồng;

b) Đối với tài sản chiếm dụng, doanh nghiệp xác định chủ sở hữu để hoàn trả hoặc ký hợp đồng thuê mượn lại tài sản. Trường hợp không xác định được chủ sở hữu, doanh nghiệp hạch toán tăng vốn nhà nước tương ứng với giá trị thực tế của tài sản;

c) Đối với tài sản thuộc công trình phúc lợi, tài sản dùng trong sản xuất kinh doanh được đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp và số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi thì được chuyển giao cho doanh nghiệp mới quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động trong doanh nghiệp;

d) Đối với tài sản dùng trong sản xuất, kinh doanh được đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp thì giao cho doanh nghiệp tiếp tục sử dụng trong sản xuất, kinh doanh;

đ) Số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi được chia cho người lao động đang làm việc theo số năm thực tế làm việc tại doanh nghiệp trước khi giao doanh nghiệp.

3. Nguyên tắc xử lý các khoản nợ:

a) Đối với các khoản nợ thuế, các khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác; khoản vay Ngân hàng Thương mại nhà nước mà doanh nghiệp đã huy động các nguồn vốn để trả nợ nhưng không đủ thì được xử lý theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Đối với khoản nợ bảo hiểm xã hội thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp và của người lao động mà doanh nghiệp đã thu, khoản nợ lương và các khoản nợ khác của người lao động thì trước khi giao doanh nghiệp được trừ vào giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp để thanh toán. Trường hợp không còn vốn nhà nước thì được hỗ trợ thanh toán từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoặc từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại công ty mẹ đối với công ty thành viên theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

c) Người nhận giao doanh nghiệp có trách nhiệm kế thừa các khoản nợ phải thu, phải trả của doanh nghiệp sau khi được xử lý. Trường hợp các chủ nợ không đồng ý cho người nhận giao doanh nghiệp kế thừa thì việc xử lý các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Giá trị tài sản còn lại, sau khi thanh toán các chi phí cần thiết cho việc giao doanh nghiệp, được chuyển giao toàn bộ cho tập thể người lao động trong doanh nghiệp sở hữu.

5. Trường hợp Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên doanh nghiệp không tham gia nhận giao doanh nghiệp thì được cơ quan có thẩm quyền quyết định giao doanh nghiệp xét từng trường hợp cụ thể để bố trí công việc hoặc giải quyết theo chính sách tinh giản biên chế của Chính phủ.

Điều 23. Trình tự, thủ tục giao doanh nghiệp

1. Căn cứ vào Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền quyết định giao doanh nghiệp thông báo cho doanh nghiệp và thực hiện công bố công khai trên 01 (một) tờ báo viết hoặc báo điện tử trong 03 (ba) số liên tiếp và trên cổng thông tin điện tử của Bộ (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc Bộ), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty, nhóm công ty (đối với công ty thành viên) trong suốt thời gian thực hiện giao doanh nghiệp.

2. Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc Ban Chấp hành Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở (đối với doanh nghiệp chưa thành lập công đoàn cơ sở) cùng Giám đốc doanh nghiệp tổ chức Hội nghị người lao động để biểu quyết theo thể thức đa số quá bán việc tự nguyện nhận giao doanh nghiệp; cử người đại diện tiến hành các thủ tục nhận giao doanh nghiệp.

3. Ban Đổi mới tại doanh nghiệp tiến hành phân loại tài sản, xác định và phân loại công nợ; lập báo cáo tài chính; dự kiến chi phí tổ chức thực hiện giao doanh nghiệp. Căn cứ số liệu trên sổ kế toán, kết quả kiểm kê, phân loại, xử lý tài sản, tài chính và công nợ theo các nguyên tắc xử lý tài sản, tài chính và công nợ nêu tại Điều 22 Nghị định này, Giám đốc doanh nghiệp và Ban Đổi mới tại doanh nghiệp lập phương án xác định giá trị doanh nghiệp được giao cho tập thể người lao động. Trường hợp chi phí tổ chức thực hiện giao doanh nghiệp theo dự kiến lớn hơn giá trị phần vốn nhà nước còn lại tại doanh nghiệp thì phải chuyển sang hình thức giải thể, phá sản.

4. Người được Hội nghị người lao động bầu làm đại diện tổ chức thực hiện lập danh sách kèm theo hồ sơ liên quan của người lao động, phân loại lao động; xây dựng và thông qua phương án nhận giao doanh nghiệp bao gồm cả phương án sản xuất kinh doanh và phương án sử dụng lao động theo quy định tại Điều 46 của Bộ luật Lao động; thực hiện các điều kiện nhận giao doanh nghiệp; cam kết sử dụng số lao động tự nguyện nhận giao doanh nghiệp.

5. Đại diện tập thể người lao động gửi hồ sơ xin nhận giao doanh nghiệp đến Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, hồ sơ gồm:

- a) Đơn xin nhận giao doanh nghiệp;
- b) Phương án sản xuất kinh doanh;
- c) Phương án sử dụng, đào tạo lại lao động;
- d) Dự kiến loại hình tổ chức doanh nghiệp mới;
- đ) Những cam kết của tập thể người lao động trong doanh nghiệp.

6. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quyết định giao doanh nghiệp phải xem xét, phê duyệt hồ sơ xin nhận giao doanh nghiệp và ban hành quyết định giao doanh nghiệp cho tập thể người lao động; quyết định này được gửi đến các cơ quan: Tài chính doanh nghiệp, Thuế, Đăng ký kinh doanh, Kế hoạch và Đầu tư; Lao động - Thương binh và Xã hội, Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính; Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp.

7. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ khi có quyết định phê duyệt hồ sơ xin nhận giao doanh nghiệp và quyết định giao doanh nghiệp cho tập thể người lao động, đại diện tập thể người lao động và người được Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền; Tổng giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty mẹ phải tổ chức ký hợp đồng giao nhận doanh nghiệp. Hợp đồng giao nhận doanh nghiệp gồm các nội dung chính sau và được thông báo doanh nghiệp, trên một trong các loại báo viết hoặc báo điện tử 03 (ba) số liên tiếp:

- a) Tên, địa chỉ doanh nghiệp được giao cho tập thể người lao động;
- b) Họ và tên, địa chỉ người đại diện cho tập thể người lao động;
- c) Giá trị doanh nghiệp được giao, phương thức giao nhận;
- d) Các cam kết của tập thể người lao động tại doanh nghiệp;
- đ) Quyền và nghĩa vụ của tập thể người lao động nhận giao doanh nghiệp.

Kèm theo hợp đồng là bảng kê khai tài sản giao quy thành giá trị, danh sách tập thể người lao động được giao doanh nghiệp.

8. Ban Đối mới và Phát triển doanh nghiệp cùng Giám đốc doanh nghiệp tổ chức bàn giao doanh nghiệp theo phương án đã được phê duyệt cho tập thể người lao động, có sự chứng kiến của đại diện cơ quan có thẩm quyền quyết định giao doanh nghiệp và cơ quan tài chính doanh nghiệp.

9. Sau khi nhận giao, đại diện tập thể người lao động tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Đại hội thành viên, tùy theo loại hình công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc hợp tác xã mà tập thể người lao động nhận giao đã lựa chọn, thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải bao gồm bản sao hợp lệ quyết định giao doanh nghiệp, hợp đồng giao nhận doanh nghiệp và biên bản bàn giao doanh nghiệp cho tập thể người lao động.

10. Đại diện của doanh nghiệp thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật và trang thông tin điện tử doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (www.business.gov.vn) về việc giao doanh nghiệp và thay đổi hình thức pháp lý của doanh nghiệp trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 24. Quyền sở hữu đối với doanh nghiệp sau khi giao

Toàn bộ giá trị tài sản còn lại của doanh nghiệp sau khi đã được xử lý theo quy định tại Điều 22 Nghị định này thuộc sở hữu tập thể người lao động và chia thành các cổ phần hoặc các phần vốn góp để giao cho từng người lao động tham gia nhận giao doanh nghiệp.

Mỗi người lao động nhận giao doanh nghiệp được giao quyền sở hữu một phần giá trị tài sản còn lại này bằng cổ phần hoặc phần vốn góp tương ứng với số năm đã làm việc cho khu vực nhà nước; được hưởng cổ tức, phần lợi nhuận; có quyền đề thừa kế nhưng không được chuyển nhượng số cổ phần hoặc phần vốn được giao trong thời hạn 03 (ba) năm sau khi nhận giao doanh nghiệp.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận giao doanh nghiệp

1. Đăng ký doanh nghiệp theo hình thức pháp lý đã lựa chọn.
2. Được sử dụng tài sản được giao, tổ chức sản xuất kinh doanh, phân phối thu nhập theo điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.

3. Được kế thừa quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp cũ theo thỏa thuận trong hợp đồng giao nhận doanh nghiệp; kế thừa các hợp đồng thuê đất, cung cấp điện, nước của doanh nghiệp cũ theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp có quyền lựa chọn kế thừa hình thức thuê đất hoặc chuyển sang hình thức giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Được hỗ trợ kinh phí tổ chức việc đào tạo lại để giải quyết việc làm cho người lao động từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5. Có trách nhiệm thực hiện những cam kết trong hợp đồng nhận giao doanh nghiệp và các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương IV **CHUYỂN GIAO DOANH NGHIỆP**

Điều 26. Các nguyên tắc tổ chức thực hiện chuyển giao doanh nghiệp

1. Đối với các trường hợp chuyển giao doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển giao nguyên trạng doanh nghiệp trên cơ sở ghi nhận sự tăng, giảm vốn chủ sở hữu theo giá trị sổ sách của doanh nghiệp chuyển giao: Bên nhận chuyển giao và bên chuyển giao doanh nghiệp thực hiện ghi tăng, giảm vốn chủ sở hữu theo giá trị sổ sách của doanh nghiệp chuyển giao.

2. Đối với các trường hợp chuyển giao doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển giao nguyên trạng doanh nghiệp theo nguyên tắc không thanh toán và chỉ thực hiện kiểm kê, đánh giá thực trạng tài sản, tài chính, công nợ của doanh nghiệp, xác định lại giá trị doanh nghiệp: Bên chuyển giao doanh nghiệp tiến hành kiểm kê, đánh giá thực trạng tài sản, tài chính, công nợ của doanh nghiệp, xác định lại giá trị doanh nghiệp theo các nguyên tắc quy định tại Điều 27 Nghị định này và tiến hành chuyển giao doanh nghiệp cho bên nhận chuyển giao.

3. Đối với các trường hợp chuyển giao doanh nghiệp giữa các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, nhóm công ty theo nguyên tắc chuyển giao có thanh toán và chuyển giao doanh nghiệp từ Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang tập đoàn kinh tế, tổng công ty, nhóm công ty theo nguyên tắc chuyển giao không thanh toán: Thực hiện việc chuyển giao theo quy định tại các Điều 27, 28, 29, 30 và 31 Nghị định này.

Điều 27. Nguyên tắc xử lý tài sản, tài chính, công nợ và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển giao doanh nghiệp

1. Ban ĐỔI MỚI tại doanh nghiệp tiến hành kiểm kê, xác định số lượng và thực trạng toàn bộ tài sản; các khoản đầu tư dài hạn, ngắn hạn; tài sản thuê, mượn, giữ hộ, bán hộ, ký gửi, chiếm dụng, cho thuê, cho mượn; đối chiếu và phân loại các loại công nợ; lập danh sách chủ nợ và số nợ phải trả, danh sách người mắc nợ và số nợ phải thu, trong đó phân định rõ nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi; tiến hành phân loại tài sản, xử lý tài sản và các khoản nợ; báo cáo quyết toán thuế tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

2. Nguyên tắc xử lý chênh lệch tài sản kiểm kê:

a) Đối với tài sản thừa nếu không xác định được nguyên nhân hoặc không tìm được chủ sở hữu thì doanh nghiệp được ghi tăng giá trị thực tế phần vốn chủ sở hữu tương ứng với giá trị thực tế của tài sản thừa;

b) Đối với tài sản thiếu phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý bồi thường theo quy định hiện hành. Giá trị tài sản thiếu sau khi trừ khoản bồi thường của tổ chức, cá nhân (nếu có) thì hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh.

3. Nguyên tắc xử lý tài sản:

a) Đối với tài sản mang đi góp vốn liên doanh hoặc nhận góp vốn liên doanh; tài sản thuê ngoài, thuê tài chính; tài sản mượn, giữ hộ và các tài sản khác không phải của doanh nghiệp thì doanh nghiệp và chủ sở hữu tài sản thỏa thuận việc tiếp tục hợp đồng hoặc thanh lý hợp đồng;

b) Đối với tài sản chiếm dụng, doanh nghiệp xác định chủ sở hữu để hoàn trả hoặc tiếp tục duy trì hợp đồng thuê mượn tài sản;

c) Đối với tài sản thuộc công trình phúc lợi, tài sản dùng trong sản xuất kinh doanh được đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp và số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi thì doanh nghiệp chuyển giao tiếp tục quản lý và sử dụng. Người lao động không tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp kể từ thời điểm ký hợp đồng chuyển giao doanh nghiệp thì được chi trả tương ứng từ Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi theo số năm thực tế làm việc tại doanh nghiệp trước khi chuyển giao doanh nghiệp;

d) Đối với tài sản không cần dùng, tài sản ứ đọng, tài sản chờ thanh lý, Giám đốc doanh nghiệp chuyển giao chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thanh lý, nhượng bán tài sản. Việc thanh lý, nhượng bán tài sản được thực hiện thông qua phương thức đấu giá công khai theo quy định hiện hành của Nhà nước. Các khoản thu và chi phí cho hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản được hạch toán vào thu nhập và chi phí của doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc xử lý các khoản nợ:

a) Đối với khoản nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước: Doanh nghiệp chuyển giao có trách nhiệm nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước trước khi chuyển giao; trường hợp doanh nghiệp chuyển giao chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước thì bên nhận chuyển giao doanh nghiệp có trách nhiệm kế thừa toàn bộ các khoản nợ được bàn giao và được trừ vào giá trị vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp khi thanh toán;

b) Đối với các khoản vay Ngân hàng Thương mại nhà nước, vay của các tổ chức, cá nhân khác, doanh nghiệp chuyển giao có trách nhiệm huy động các nguồn vốn hợp pháp để thanh toán các khoản nợ đến hạn trước khi chuyển giao doanh

nghiệp; trường hợp doanh nghiệp chuyển giao chưa thanh toán hết các khoản nợ đến hạn thì bên nhận chuyển giao doanh nghiệp có trách nhiệm kế thừa toàn bộ các khoản nợ được bàn giao và được trừ vào giá trị vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp khi thanh toán;

c) Đối với các khoản nợ vay nước ngoài (có bảo lãnh hoặc không bảo lãnh) đã quá hạn, được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý vay nợ và trả nợ vay nước ngoài;

d) Đối với khoản nợ bảo hiểm xã hội, nợ người lao động, doanh nghiệp chịu trách nhiệm xử lý trước khi chuyển giao doanh nghiệp và được trừ vào giá trị vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp để thanh toán;

đ) Bên nhận chuyển giao doanh nghiệp có trách nhiệm kế thừa các khoản nợ phải thu, phải trả của doanh nghiệp sau khi được xử lý.

5. Giá trị tài sản còn lại, sau khi thanh toán các chi phí cần thiết cho việc chuyển giao doanh nghiệp, được chuyển giao toàn bộ cho bên nhận doanh nghiệp sở hữu.

6. Nguyên tắc xác định giá trị doanh nghiệp chuyển giao:

a) Việc xác định giá trị doanh nghiệp chuyển giao theo phương pháp tài sản quy định tại Nghị định về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

b) Giá trị doanh nghiệp chuyển giao là giá trị toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm chuyển giao có tính đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp được cả bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao chấp nhận;

Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc xử lý tài sản, tài chính, công nợ và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển giao doanh nghiệp.

Điều 28. Nguyên tắc xử lý và chính sách đối với lao động, người giữ chức danh lãnh đạo quản lý doanh nghiệp

1. Bên chuyển giao doanh nghiệp lập danh sách toàn bộ lao động hiện có, danh sách lao động tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp sau khi chuyển giao, danh sách người lao động đưa đi đào tạo lại để tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp sau chuyển giao, danh sách người lao động nghỉ hưu, danh sách người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động.

2. Đối với người lao động tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp sau chuyển giao:

a) Doanh nghiệp chuyển giao có trách nhiệm tính trả trợ cấp thôi việc đối với thời gian người lao động làm việc tại doanh nghiệp từ thời điểm ký biên bản chuyển giao doanh nghiệp trở về trước;

b) Thực hiện giao kết hợp đồng lao động mới khi tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp sau chuyển giao.

3. Người lao động đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Người lao động chấm dứt hợp đồng lao động được hưởng chế độ trợ cấp mất việc làm, thôi việc theo quy định của pháp luật về lao động hoặc chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

5. Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng và người được cử làm đại diện phần vốn của doanh nghiệp chuyển giao tại doanh nghiệp khác làm việc theo chế độ bổ nhiệm được Bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng thành viên công ty mẹ chuyển giao hoặc Hội đồng thành viên công ty mẹ nhận chuyển giao doanh nghiệp xét từng trường hợp cụ thể để bố trí việc làm. Trường hợp không sắp xếp được việc làm hoặc cho thôi việc theo nguyện vọng thì thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức đối với chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và người được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước.

Điều 29. Trình tự, thủ tục chuyển giao doanh nghiệp

1. Căn cứ vào Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chuyển giao doanh nghiệp, Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, công ty mẹ có doanh nghiệp thuộc diện chuyển giao thông báo cho doanh nghiệp thuộc diện chuyển giao chuẩn bị chuyển giao doanh nghiệp.

2. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty thuộc diện chuyển giao giao cho Ban Đổi mới tại doanh nghiệp chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ, giấy tờ pháp lý, hợp đồng chưa thanh lý, các giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và đất đai của doanh nghiệp; tiến hành kiểm kê, đối chiếu tài sản, công nợ, danh sách các chủ nợ và người mắc nợ doanh nghiệp, số nợ của các chủ nợ và các khoản nợ phải trả; xác định hiện trạng tài sản, phẩm chất và tính năng kỹ thuật của tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 Nghị định này; lập báo cáo tài chính; dự kiến chi phí tổ chức thực hiện chuyển giao doanh nghiệp và báo cáo chủ sở hữu doanh nghiệp.

Căn cứ số liệu trên sổ kế toán, kết quả kiểm kê, phân loại, xử lý tài sản, tài chính và công nợ theo các nguyên tắc xử lý tài sản, tài chính và công nợ nêu tại Điều 27 Nghị định này, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc và Ban Đổi mới tại doanh nghiệp lập phương án xác định giá trị doanh nghiệp chuyển giao; phương án chuyển giao doanh nghiệp, phương án xử lý tài chính, lao động, đánh giá các tác động của việc chuyển giao đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh sau khi chuyển giao doanh nghiệp trình Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thẩm định.

Trường hợp dự kiến các nguồn vốn hợp pháp do doanh nghiệp huy động và phân được trích từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại công ty mẹ của doanh nghiệp chuyển giao không đủ bù đắp chi phí thực hiện chuyển giao, xử lý tài chính và lao động thì phải chuyển sang hình thức bán hoặc giải thể, phá sản.

3. Bên nhận chuyển giao giao cho Ban Chỉ đạo tiếp nhận doanh nghiệp xây dựng phương án tiếp nhận doanh nghiệp, bao gồm cả phương án tiếp nhận, xử lý tài chính, lao động, đánh giá tác động của việc chuyển giao đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của bên tiếp nhận chuyển giao và giám sát việc chuyển giao - nhận chuyển giao doanh nghiệp báo cáo Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp bên tiếp nhận để trình Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty mẹ phê duyệt.

4. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp bên chuyển giao, bên nhận chuyển giao thỏa thuận về phương thức bàn giao doanh nghiệp, các điều kiện, cam kết giao nhận doanh nghiệp, cam kết thanh toán nợ:

a) Bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao thỏa thuận về phương thức chuyển giao doanh nghiệp; phương thức chuyển giao, xử lý công nợ và thông báo bằng văn bản cho chủ nợ, người mắc nợ và các bên liên quan;

b) Bên chuyển giao, bên nhận chuyển giao thỏa thuận về phương thức tiếp nhận và xử lý tài chính, lao động:

- Bên chuyển giao doanh nghiệp chịu trách nhiệm xử lý tài chính, lao động trước thời điểm chuyển giao doanh nghiệp.

Nguồn xử lý tài chính, lao động đối với doanh nghiệp chuyển giao thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lấy từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Nguồn xử lý tài chính, lao động đối với doanh nghiệp chuyển giao thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty, nhóm công ty được lấy từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại công ty mẹ của doanh nghiệp chuyển giao.

- Trường hợp bên chuyển giao doanh nghiệp không thực hiện xử lý tài chính, lao động trước thời điểm chuyển giao doanh nghiệp thì tiến hành chuyển giao những tồn tại về tài chính, lao động và nguồn kinh phí xử lý cho bên nhận chuyển giao doanh nghiệp xử lý sau khi tiếp nhận.

c) Bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao thỏa thuận về phương án tiếp nhận giá trị doanh nghiệp:

- Đối với chuyển giao doanh nghiệp từ Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, nhóm công ty: Bên nhận chuyển giao ghi tăng vốn chủ sở hữu tương ứng với giá trị vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp đã được xác định và chuyển giao.

- Đối với chuyển giao doanh nghiệp giữa các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và nhóm công ty: Bên nhận chuyển giao có trách nhiệm thanh toán giá trị vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp tương ứng cho bên chuyển giao.

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể những quy định tại Khoản này.

5. Tổ chức ký Hợp đồng giao nhận doanh nghiệp giữa bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao. Hợp đồng giao nhận doanh nghiệp gồm các nội dung chính sau và được thông báo tại doanh nghiệp, trên một trong các loại báo viết hoặc báo điện tử 03 (ba) số liên tiếp:

- a) Tên, địa chỉ doanh nghiệp chuyển giao;
- b) Tên, địa chỉ người đại diện của bên chuyển giao;
- c) Tên, địa chỉ người đại diện của bên nhận chuyển giao;
- d) Giá trị doanh nghiệp chuyển giao, phương thức giao nhận;
- đ) Các cam kết của bên chuyển giao, bên nhận chuyển giao doanh nghiệp;
- e) Quyền và nghĩa vụ của bên nhận chuyển giao doanh nghiệp.

Kèm theo Hợp đồng là bảng kê khai tài sản chuyển giao quy thành giá trị.

Hợp đồng giao nhận doanh nghiệp được gửi đến các cơ quan: Tài chính doanh nghiệp, Thuế, Đăng ký kinh doanh, Kế hoạch và Đầu tư; Lao động - Thương binh và Xã hội, Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính.

6. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp cùng Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp chuyển giao tổ chức bàn giao doanh nghiệp theo phương án đã được thống nhất cho bên nhận chuyển giao có sự chứng kiến của đại diện cơ quan quyết định chuyển giao doanh nghiệp và cơ quan tài chính doanh nghiệp nơi doanh nghiệp chuyển giao đóng trụ sở chính.

7. Sau khi nhận giao, doanh nghiệp chuyển giao thực hiện đăng ký thay đổi tên, chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Hồ sơ thay đổi đăng ký doanh nghiệp phải bao gồm quyết định chuyển giao doanh nghiệp, biên bản giao nhận doanh nghiệp.

8. Đại diện của doanh nghiệp thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật và Trang thông tin điện tử doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (www.business.gov.vn) về việc chuyển giao doanh nghiệp, thay đổi tên (nếu có) và chủ sở hữu của doanh nghiệp trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của bên chuyển giao doanh nghiệp

1. Thực hiện chuyển giao doanh nghiệp cho bên tiếp nhận chuyển giao theo phương án đã được phê duyệt

2. Thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ theo Hợp đồng giao nhận doanh nghiệp; bao gồm cả việc chuyển giao quyền, trách nhiệm pháp lý về hợp đồng kinh tế, trách nhiệm thu hồi nợ, trả nợ, các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định của pháp luật và các trách nhiệm khác (nếu có).

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận chuyển giao doanh nghiệp

1. Kế thừa các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp chuyển giao theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2. Thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ theo Hợp đồng giao nhận doanh nghiệp; bao gồm cả quyền, trách nhiệm pháp lý về hợp đồng kinh tế, trách nhiệm thu hồi nợ, trả nợ, các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định của pháp luật và các trách nhiệm khác (nếu có).

Chương V
CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP
VÀ NGƯỜI MUA, NHẬN GIAO, CHUYỂN GIAO

Điều 32. Chính sách đối với doanh nghiệp bán, giao, chuyển giao

1. Doanh nghiệp giao cho tập thể người lao động; doanh nghiệp bán cho tập thể, cá nhân hoặc pháp nhân được hưởng các chính sách quy định đối với doanh nghiệp tại Nghị định của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

2. Doanh nghiệp chuyển giao được miễn phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi, bổ sung); được tiếp tục thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp về sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 33. Chính sách đối với người mua trả tiền ngay

Nếu người mua doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp trả tiền một lần ngay sau khi mua thì được giảm giá tối đa là 5% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất nhưng không vượt quá số vốn chủ sở hữu hiện có tại doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp.

Điều 34. Chính sách đối với tập thể người lao động mua doanh nghiệp

Trường hợp tập thể người lao động trong doanh nghiệp trúng đấu giá hoặc là người duy nhất đăng ký mua, thì được giảm 15% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất nhưng không vượt quá số vốn chủ sở hữu hiện có tại doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN,
GIAO, CHUYỂN GIAO DOANH NGHIỆP

Điều 35. Thẩm quyền quyết định bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp

Căn cứ vào Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị định này.

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chuyển giao doanh nghiệp trong trường hợp Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chưa xác định doanh nghiệp chuyển giao; bán, chuyển giao doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Quyết định bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp do mình quyết định thành lập; phê duyệt chủ trương bán bộ phận phụ thuộc của doanh nghiệp do mình quyết định thành lập chưa chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước mà giá trị tài sản còn lại của bộ phận doanh nghiệp đó vượt quá 50% vốn điều lệ của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của công ty;

b) Phê duyệt chủ trương bán, giao, chuyển giao công ty thành viên và bán đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP mà giá trị tài sản còn lại của bộ phận doanh nghiệp đó vượt quá 50% vốn điều lệ của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của công ty.

3. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định việc bán, giao, chuyển giao công ty thành viên và bán đơn vị hạch toán phụ thuộc của công ty mẹ sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phê duyệt chủ trương bán bộ phận phụ thuộc của công ty thành viên mà giá trị tài sản còn lại của bộ phận doanh nghiệp đó vượt quá 50% vốn điều lệ của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của công ty.

4. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty phân cấp, ủy quyền cho Tổng giám đốc phê duyệt chủ trương bán bộ phận phụ thuộc của công ty thành viên mà giá trị tài sản còn lại của bộ phận doanh nghiệp đó không vượt quá mức 50% vốn điều lệ của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của công ty.

Trường hợp doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa nhưng không thực hiện cổ phần hóa được thì cơ quan có thẩm quyền quyết định bán, giao, chuyển giao quy định tại Điều này quyết định bán doanh nghiệp và báo cáo Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Điều 36. Trách nhiệm tổ chức việc bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp

1. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp là cơ quan giúp Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng thành viên công ty mẹ.

Tùy theo tính chất ngành nghề, hình thức là giao, bán hoặc chuyển giao doanh nghiệp và tình trạng tài chính của doanh nghiệp, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp mời thêm các thành viên đại diện của ngân hàng, doanh nghiệp, người lao động trong doanh nghiệp và các cơ quan liên quan tham gia.

2. Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng thành viên công ty mẹ quyết định thành lập Ban Đổi mới tại doanh nghiệp, Ban Chỉ đạo nhận chuyển giao doanh nghiệp để thực hiện các công việc quy định tại Nghị định này.

Thành phần của Ban Đổi mới tại doanh nghiệp gồm: Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) làm Trưởng ban; Kế toán trưởng là Ủy viên thường trực; các trưởng phòng, ban: Kế hoạch, sản xuất kinh doanh, tổ chức cán bộ làm ủy viên và mời Bí thư Đảng ủy (hoặc chi bộ), Chủ tịch Công đoàn cơ sở hoặc đại diện Ban Chấp hành Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở tham gia là ủy viên.

Thành phần của Ban Chỉ đạo nhận chuyển giao doanh nghiệp gồm: Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc công ty mẹ làm Trưởng ban; Kế toán trưởng là ủy viên thường trực; các trưởng phòng, ban: Kế hoạch, sản xuất kinh doanh, tổ chức cán bộ làm Ủy viên.

3. Trường hợp doanh nghiệp không thực hiện phương án bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Nghị định này thì Chủ tịch công ty, Giám đốc phải chịu các hình thức kỷ luật và Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quyết định bán, giao doanh nghiệp hoặc Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty mẹ bên chuyển giao và Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty mẹ bên nhận chuyển giao doanh nghiệp liên đới chịu trách nhiệm theo quy định hiện hành.

Điều 37. Nhiệm vụ của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp trong tổ chức bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp

1. Trường hợp bán doanh nghiệp:

a) Xây dựng phương án bán doanh nghiệp; thông báo tới toàn thể người lao động trong doanh nghiệp và trên phương tiện thông tin đại chúng quy định tại Điều 9 Nghị định này việc bán doanh nghiệp;

b) Chỉ đạo và giám sát Ban Đổi mới tại doanh nghiệp trong việc thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 18 Nghị định này;

c) Giám sát tổ chức tư vấn định giá trong việc xác định giá trị doanh nghiệp, xác định giá khởi điểm để báo cáo cơ quan, tổ chức quyết định bán doanh nghiệp phê duyệt;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện đấu giá; tổ chức bán trực tiếp và kiến nghị giá bán (trường hợp bán trực tiếp), kiến nghị người bán doanh nghiệp phê duyệt kết quả đấu giá doanh nghiệp;

đ) Lập hợp đồng bán doanh nghiệp và báo cáo Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng thành viên công ty mẹ quyết định;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ban Đổi mới tại doanh nghiệp thu hồi tài sản của doanh nghiệp, hoàn trả các tài sản mà doanh nghiệp đi thuê, mượn, nhận giữ

hộ; thu hồi nợ và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; bàn giao tài sản, sổ sách và các hồ sơ liên quan cho người mua theo thỏa thuận của Hợp đồng mua bán doanh nghiệp;

g) Đơn đốc việc thanh toán, bảo đảm thanh toán đúng hạn; quản lý hồ sơ thế chấp và làm các thủ tục phát mại khi người mua vi phạm cam kết thanh toán;

h) Xử lý trong phạm vi thẩm quyền những vấn đề phát sinh từ việc bán doanh nghiệp.

2. Trường hợp giao doanh nghiệp:

a) Xây dựng phương án giao doanh nghiệp; thông báo tới toàn thể người lao động trong doanh nghiệp và trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giao doanh nghiệp;

b) Thẩm định giá trị doanh nghiệp, xác định hiện trạng tài sản, phẩm chất và tính năng kỹ thuật của tài sản, kiểm tra việc đối chiếu công nợ, danh sách các chủ nợ và người mắc nợ doanh nghiệp, số nợ của các chủ nợ và các khoản nợ phải trả; xây dựng phương án xử lý các tồn tại về tổ chức và lao động của doanh nghiệp;

c) Lập Hợp đồng giao nhận doanh nghiệp và báo cáo Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng thành viên công ty mẹ;

d) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ban Đổi mới tại doanh nghiệp tiến hành thu hồi tài sản của doanh nghiệp, hoàn trả các tài sản mà doanh nghiệp đi thuê, mượn, nhận giữ hộ; thu hồi nợ và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; bàn giao tài sản, sổ sách và các hồ sơ liên quan cho người nhận giao doanh nghiệp theo thỏa thuận của Hợp đồng giao nhận doanh nghiệp;

đ) Xử lý trong phạm vi thẩm quyền những vấn đề phát sinh từ việc giao doanh nghiệp.

3. Trường hợp chuyển giao doanh nghiệp:

a) Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp bên chuyển giao doanh nghiệp chỉ đạo và giám sát Ban Đổi mới tại doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị định này; thẩm định và trình phương án chuyển giao lên Bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng thành viên công ty mẹ phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ban Đổi mới tại doanh nghiệp tiến hành thu hồi tài sản của doanh nghiệp, hoàn trả các tài sản mà doanh nghiệp đi thuê, mượn, nhận giữ hộ; thu hồi nợ và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; bàn giao tài sản, sổ sách và các hồ sơ liên quan cho bên nhận chuyển giao doanh nghiệp theo thỏa thuận của Hợp đồng chuyển giao doanh nghiệp;

b) Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp bên nhận chuyển giao doanh nghiệp chỉ đạo và giám sát Ban Chỉ đạo nhận chuyển giao doanh nghiệp xây dựng phương án nhận chuyển giao; trong đó bao gồm nội dung phân tích, đánh giá các tác động của việc nhận chuyển giao đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh sau khi nhận chuyển giao doanh nghiệp; thẩm định và trình phương án tiếp nhận lên Hội đồng thành viên công ty mẹ phê duyệt.

c) Lập Hợp đồng chuyển giao doanh nghiệp và báo cáo Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng thành viên công ty mẹ;

d) Xử lý trong phạm vi thẩm quyền những vấn đề phát sinh từ việc chuyển giao doanh nghiệp.

Điều 38. Trách nhiệm của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp

Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp chịu trách nhiệm về nội dung và kết quả công việc được giao trước người quyết định bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp và trước pháp luật.

Điều 39. Thẩm quyền phê duyệt phương án bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp

Căn cứ đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng thành viên công ty mẹ quyết định phê duyệt phương án bán, giá bán doanh nghiệp; phê duyệt phương án giao, chuyển giao, nhận chuyển giao doanh nghiệp.

Điều 40. Thẩm quyền ký kết hợp đồng bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp

1. Bộ trưởng hoặc người được Bộ trưởng ủy quyền ký hợp đồng bán, giao, chuyển giao và nhận chuyển giao doanh nghiệp.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền ký hợp đồng bán, giao, chuyển giao và nhận chuyển giao doanh nghiệp.

3. Tổng giám đốc công ty mẹ ký hợp đồng bán, giao công ty thành viên.

4. Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty mẹ ký hợp đồng chuyển giao và nhận chuyển giao doanh nghiệp.

Điều 41. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và theo dõi thực hiện hợp đồng bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp

Người ký hợp đồng bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện hợp đồng bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp.

2. Tổ chức theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện hợp đồng và xử lý các vấn đề phát sinh.

3. Mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp do hai bên ký hợp đồng cùng giải quyết, nếu còn tranh chấp thì khởi kiện ra Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Xử lý đối với trường hợp không có người đăng ký mua, nhận giao doanh nghiệp

Đối với doanh nghiệp không có người đăng ký mua, nhận giao doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục giải thể doanh nghiệp đó; trường hợp doanh nghiệp mất khả năng thanh toán thì Tổng

giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp phải làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân mở thủ tục giải quyết phá sản theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm

Việc khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quá trình bán, giao, chuyển giao doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Nghị định này và theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo hiện hành.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.
2. Bãi bỏ Nghị định số 109/2008/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.
3. Đối với những doanh nghiệp đang thực hiện bán, giao theo Nghị định số 109/2008/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và đang thực hiện chuyển giao thì phải thực hiện theo quy định của Nghị định này.
4. Việc bán công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước được áp dụng các nội dung quy định tại Nghị định này.

Điều 45. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện

1. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm theo dõi thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng thành viên công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty, nhóm công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng